

Dự thảo 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày..... tháng.... năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT.TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cáchuyện, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Nghị quyết số .../2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Chương II**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách**

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp ngành và chính quyền địa phương;

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc vùng dân tộc thiểu số);

- Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững;

- Bố trí ngân sách thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á; các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách

- Ưu tiên phân bổ cho các nội dung chương trình, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền hướng dẫn, phê duyệt.

- Tiếp tục phân bổ cho các huyện, thị xã và xã theo tiêu chí, hệ số:

* Vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022

Hỗ trợ các xã hoàn thành Bộ tiêu chí nông thôn mới ở các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu (tổng hệ số là 116,3), cụ thể:

+ Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển): Hệ số 4,0.

+ Các xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 1,3.

+ Các xã còn lại (bao gồm các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới): Hệ số 1,0.

* Vốn giai đoạn 2022 - 2025

- Hỗ trợ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới (tổng hệ số là 40): phân bổ cho 04 huyện trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh đến năm 2025 gồm: huyện Châu Thành, huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề, huyện Long Phú.

- Hỗ trợ các xã hoàn thành Bộ tiêu chí nông thôn mới ở các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu (tổng hệ số là 96):

+ Không hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã An toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số (đã được bố trí ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030) và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (đã được bố trí ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025).

+ Các xã An toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 5,0.

+ Các xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.

+ Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

(đính kèm Phụ lục)

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách

Căn cứ tổng mức vốn từ ngân sách Trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo, tiêu chí hệ số quy định tại Nghị quyết này, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn theo quy định trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ số vốn được giao và nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ được quy định tại Nghị quyết này để phân bổ nguồn vốn ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đúng quy định. Tùy theo mục tiêu, kế hoạch và điều kiện thực tế có thể luân phiên tập trung nguồn vốn cho các xã trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn hàng năm, nhưng phải đảm bảo định mức vốn của mỗi xã cho cả giai đoạn 2021 - 2025.

Phụ lục.
TIÊU CHÍ, HỆ SỐ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

STT	Đơn vị	Hệ số phân bổ nguồn vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022		Hệ số phân bổ nguồn vốn giai đoạn 2022 - 2025	
		Phân loại xã	Hệ số phân bổ	Phân loại xã	Hệ số phân bổ
	Tổng cộng		116,3		136
I	Huyện Cù Lao Dung		7,3		19
*	Huyện nông thôn mới				10
1	An Thạnh 1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	An Thạnh 2	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	An Thạnh Tây	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	An Thạnh Đông	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	An Thạnh 3	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Đại Ân 1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
7	An Thạnh Nam	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã đạt 15-18 tiêu chí	3
II	Huyện Trần Đề		15,6		18
*	Huyện nông thôn mới				10
1	Thạnh Thới Thuận	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Lịch Hội Thượng	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Viên Bình	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Đại Ân 2	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Viên An	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Liêu Tú	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn + An toàn khu	0
7	Thạnh Thới An	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã an toàn khu + khu vực 1 vùng dân tộc thiểu số	0
8	Trung Bình	Xã đạt 15-18	1,3	Xã đạt 15-18	3

		tiêu chí		tiêu chí	
9	Tài Văn	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
III	Huyện Châu Thành		10		16
*	Huyện nông thôn mới				10
1	Phú Tân	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Hồ Đắc Kiên	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	An Hiệp	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	An Ninh	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Thiện Mỹ	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Phú Tâm	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
7	Thuận Hòa	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
IV	Huyện Kế Sách		26,6		14
1	An Lạc Tây	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Ba Trinh	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Đại Hải	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Kế An	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Xuân Hòa	Xã Bãi ngang	4	Xã Bãi ngang + An toàn khu	0
6	Phong Năm	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã An toàn khu	5
7	Nhon Mỹ	Xã Bãi ngang	4	Xã Bãi ngang	0
8	Thới An Hội	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn + An toàn khu	0
9	Kế Thành	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
10	Trình Phú	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã An toàn khu	5
11	An Mỹ	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
V	Huyện Mỹ Tú		14,3		10
1	Long Hưng	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1

2	Mỹ Hương	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Hưng Phú	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Mỹ Tú	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Mỹ Thuận	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Thuận Hưng	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
7	Phú Mỹ	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn	0
8	Mỹ Phước	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã An toàn khu	5
VI	Thị xã Ngã Năm		5		5
1	Tân Long	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Mỹ Quới	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Mỹ Bình	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Long Bình	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Vĩnh Quới	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
VII	Thị xã Vĩnh Châu		6		6
1	Hòa Đông	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Vĩnh Hiệp	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Vĩnh Tân	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Vĩnh Hải	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Lai Hòa	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Lạc Hòa	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
VIII	Huyện Mỹ Xuyên		10		10
1	Ngọc Tố	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Hòa Tú 2	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Hòa Tú 1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Đại Tâm	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Ngọc Đông	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1

6	Gia Hòa 1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
7	Gia Hòa 2	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
8	Tham Đôn	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
9	Thạnh Phú	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
10	Thạnh Quới	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
IX	Huyện Thạnh Trị		8,6		12
1	Vĩnh Lợi	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Lâm Tân	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Thạnh Trị	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Vĩnh Thành	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Lâm Kiệt	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Tuần Túc	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
7	Thạnh Tân	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã đạt 15-18 tiêu chí	3
8	Châu Hưng	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã đạt 15-18 tiêu chí	3
X	Huyện Long Phú		12,9		26
*	Huyện nông thôn mới				10
1	Trường Khánh	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
2	Tân Thạnh	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
3	Song Phụng	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
4	Long Đức	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
5	Phú Hữu	Đạt chuẩn nông thôn mới	1	Đạt chuẩn nông thôn mới	1
6	Long Phú	Xã đặc biệt khó khăn	4	Xã đặc biệt khó khăn + An toàn khu	0
7	Châu Khánh	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã đạt 15-18 tiêu chí	3
8	Hậu Thạnh	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã An toàn khu	5
9	Tân Hưng	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1,3	Xã đạt 15-18 tiêu chí	3

Ghi chú:

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo áp dụng theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số (xã khu vực III) áp dụng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Xã An toàn khu áp dụng theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 và Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ."